

Số : 1338-12/23-6.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

2/ Địa chỉ : Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 18/12/2023

4/ Loại mẫu : Khí thải

5/ Phương pháp lấy mẫu và phân tích:

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy và bảo quản mẫu	Phương pháp phân tích môi trường	Giới hạn phát hiện (MDL)/Phạm vi đo
1	Bụi (PM)*	US EPA Method 5	US EPA Method 5	1,2 mg/Nm ³
2	CO*	SOP_HTKT01	-	0÷11400 mg/Nm ³
3	SO ₂ *	SOP_HTKT01	-	0÷13100 mg/Nm ³
4	NO _x *	SOP_HTKT01	-	NO: 0÷4920 mg/Nm ³ NO ₂ : 0÷2068 mg/Nm ³
5	Lưu lượng*	US EPA Method 2	-	0 – 4.521.600 m ³ /h

KẾT QUẢ CHẤT LƯỢNG KHÍ THẢI

Chỉ tiêu	Lưu lượng	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
Nguồn thải	P (m ³ /h)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)	(mg/Nm ³)
1338-12/23-6.3KT.Khí thải tại lò hơi (105°09'11"; 9° 6'58.00") (Đo tại nguồn thải)	P<20.000	76	580,3	62,9	17,2
QCVN 19 : 2009/BTNMT (Giá trị giới hạn B)	C _{max} = C x K _p x K _v với K _p =1 và K _v = 1	200	1000	500	850

*Ghi chú: Kết quả phân tích chỉ có giá trị tại thời điểm đo đặc**(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận***BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**

Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Số : 1338-12/23-6.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẶC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

2/ Địa chỉ : Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 18/12/2023

4/ Loại mẫu : 1338-12/23-6.3NT.Nước thải tại đầu ra HTXL nước thải (105°09'11"; 9° 6'58.00")

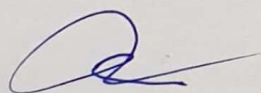
KẾT QUẢ PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 11-MT: 2015/BTNMT (cột B) Kq=0,9 ; Kf=1,1	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản Nước thải*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 5999:1995, TCVN 6663-3:2016
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(30,8°C)	-	6,81	2÷12	5,5 – 9	TCVN 6492:2011
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)*	mg/L	21	1,5	99	SMEWW 2540.D:2023
3	Nhu cầu oxy hóa học (COD)*	mg/L	34	2,0	148,5	SMEWW 5220.C:2023
4	Nhu cầu oxy sinh học (BOD ₅)*	mg/L	16	1,0	49,5	TCVN 6001-1:2021
5	Tổng nito**	mg/L	18,3	1,50	59,4	TCVN 6638:2000
6	Tổng photpho (tính theo P)**	mg/L	1,21	0,016	19,8	TCVN 6202:2008
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/L	1,15	0,010	19,8	TCVN 6179-1:1996
8	Dầu, mỡ động thực vật*	mg/L	1,0	0,3	19,8	SMEWW 5520.B&F:2023
9	Clo dư*	mg/L	KPH	0,037	1,98	SMEWW 4500-Cl.G:2023
10	Coliform*	MPN/100mL	2.300	2	5.000	SMEWW 9221.B:2023
11	Lưu lượng*	m ³ /h	7,4	0÷219.600	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

 (**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận; **KPH:** Không phát hiện (< MDL)

**BỘ PHẬN ĐO ĐẶC
PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG**


Quách Văn Duy

**KT. GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
PHÓ GIÁM ĐỐC**

ThS. Thái Sanh Bảo Huy

Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

2/3

Số : 1338-12/23-6.3 / KQPT

Tp.HCM, ngày 25 tháng 12 năm 2023

KẾT QUẢ KHẢO SÁT ĐO ĐẠC MÔI TRƯỜNG

1/ Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN NĂM CĂN

2/ Địa chỉ : Khu vực 1, khóm 3, Thị trấn Năm Căn, Huyện Năm Căn, Tỉnh Cà Mau

3/ Thời gian lấy mẫu: 18/12/2023

4/ Loại mẫu : 1338-12/23-6.3NN.Nước giếng khoan đầu nguồn chưa qua xử lý

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH NƯỚC NGẦM

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 09: 2023/BTNMT	Phương pháp phân tích
-	Lấy và bảo quản mẫu Nước dưới đất*	-	-	-	-	TCVN 6663-1:2011, TCVN 6663-3:2016, TCVN 6663-11:2011
-	Lấy và bảo quản mẫu vi sinh*	-	-	-	-	TCVN 8880:2011
1	pH*(27,6°C)	-	6,71	2÷12	5,8 – 8,5	TCVN 6492:2011
2	Độ cứng (tính theo CaCO ₃)**	mg/L	21,6	1,50	500	TCVN 6224:1996
3	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	mg/L	53	0÷1.999	1.500	SOP_HTN05
4	Chỉ số permanganat*	mg/L	KPH	0,58	4	TCVN 6186:1996
5	Clorua (Cl)*	mg/L	25,8	1,5	250	TCVN 6194:1996
6	Sulfat (SO ₄ ²⁻)*	mg/L	KPH	1,1	400	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E: 2023
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ , tính theo N)*	mg/L	0,63	0,020	15	TCVN 6180:1996
8	Nitrit (NO ₂ ⁻ , tính theo N)*	mg/L	KPH	0,006	1	SMEWW 4500-NO ₂ ⁻ .B:2023
9	Sắt (Fe)**	mg/L	KPH	0,02	5	TCVN 6177:1996
10	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)**	mg/L	KPH	0,010	1	TCVN 6179-1:1996
11	Thủy ngân (Hg)*	mg/L	KPH	25×10 ⁻⁵	0,001	TCVN 7877:2008
12	Chì (Pb)*	mg/L	KPH	0,0022	0,01	SMEWW 3113.B:2023
13	Mangan (Mn)*	mg/L	KPH	0,015	0,5	SMEWW 3111.B:2023
14	E. Coli*	MPN/100mL	KPH	2	KPH	SMEWW 9221.F:2023
15	Coliform*	MPN/100mL	KPH	2	3	SMEWW 9221.B:2023

Ghi chú: Kết quả phân tích có giá trị trên mẫu thử

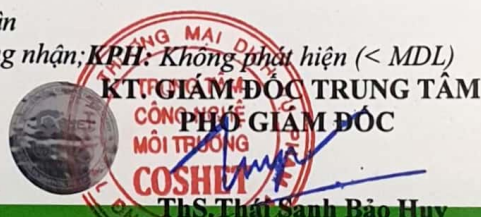
(*): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường công nhận

(**): Chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường & Vilas công nhận; KPH: Không phát hiện (< MDL)

BỘ PHẬN ĐO ĐẠC

PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

Quách Văn Duy



Kết quả nhanh - chính xác - đáng tin cậy

3/3